

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 148/2025/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025/ Hanoi, 28 Jul 2025

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY
MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE FOR AN ETF CREATION UNIT

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ Tel: 024.39366321 Fax: 024.39366337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **28/07/2025**

- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities code	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Securities (VND)	2,364,890,000	95.64%
1	ACB	5,200	4.96%
2	CTG	900	1.66%
3	DCM	100	0.14%
4	DGC	200	0.85%
5	DIG	500	0.44%
6	DPM	200	0.33%
7	EIB	1,700	1.90%
8	FPT	1,600	7.16%
9	FRT	100	0.64%
10	GEX	700	1.51%
11	GMD	400	0.94%
12	HCM	400	0.42%
13	HDB	2,900	3.31%
14	HPG	4,700	4.95%
15	HSG	500	0.38%
16	IDC	200	0.38%
17	KBC	600	0.71%
18	KDH	700	0.81%
19	LPB	3,200	4.56%
20	MBB	3,700	4.26%
21	MSB	2,600	1.48%
22	MSN	800	2.45%
23	MWG	1,200	3.40%
24	NLG	300	0.51%
25	PDR	500	0.42%
26	PLX	100	0.15%
27	PNJ	300	1.05%
28	POW	600	0.35%
29	PVD	300	0.26%
30	PVS	200	0.28%
31	SAB	100	0.20%
32	SHB	3,800	2.31%
33	SHS	900	0.68%
34	SSB	2,000	1.67%
35	SSI	1,500	2.06%
36	STB	2,100	4.14%
37	TCB	5,100	7.26%
38	TPB	1,400	0.88%
39	VCB	1,000	2.51%
40	VCG	400	0.42%
41	VCI	400	0.70%
42	VHM	1,100	4.17%
43	VIB	2,600	1.93%
44	VIC	1,200	5.54%
45	VJC	300	1.48%
46	VND	1,200	1.03%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities code	Volume	Weight
47	VNM	900	2.30%
48	VPB	4,400	4.28%
49	VPI	100	0.21%
50	VRE	1,000	1.19%
II	Tiền/Cash (VND)	107,900,939	4.36%
III	Tổng/Total (= I + II)	2,472,790,939	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoàn đổi/ Difference between the value of Basket of component and the offering price of an ETF Creation Unit:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/The value of Basket 2,364,890,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/The value of an ETF Creation Unit 2,472,790,939 VND

+ Giá trị chênh lệch/Difference in cash 107,900,939 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Plan to reduce the difference

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case, securities can be substituted by cash, (if any, state clearly the

STT No	Mã Chứng Khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	23,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	HDB	28,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
3	MBB	28,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MWG	70,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	PNJ	86,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	SSI	34,000	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch: Treasury stock not yet registered for trading
7	TCB	35,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	VCB	62,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4, Thông tư 121/2020/TT-BTC: Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
9	VCI	43,050	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch: Treasury stock not yet registered for trading
10	VIB	18,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ AP nước ngoài Foreign Investor/ Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	VND	21,150	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch: Treasury stock not yet registered for trading



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC